

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 16



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Tự Hiểu	Chủ tịch
Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên
Ông Đặng Minh Phong	Thành viên
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hoàng Xuân Quốc	Tổng Giám đốc
Ông Ưông Ngọc Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Cương	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

  
**Hoàng Xuân Quốc**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 2 năm 2010

27372  
HÀNH  
NG TY  
EMHUUH  
OITTI  
E NAM  
IA NỘI  
HỘ CH

Số: 110 /Deloitte-AUDHCM-RE

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi:** Các cổ đông của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên


Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2009 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

### Cơ sở của ý kiến

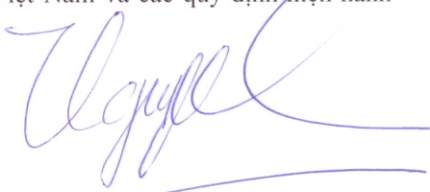
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



**Võ Thái Hòa**  
Phó Tổng Giám đốc, kiêm  
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 25 tháng 2 năm 2010  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



**Lê Chí Nguyễn**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009		31/12/2008	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.378.020.645.056</b>		<b>1.471.276.549.558</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>1.218.594.514.950</b>		<b>1.447.334.275.924</b>	
1. Tiền	111		5.172.889.170		9.169.333.986	
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.213.421.625.780		1.438.164.941.938	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>985.115.181.040</b>		-	
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	985.115.181.040		-	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.154.512.698.507</b>		<b>19.653.393.245</b>	
1. Trả trước cho người bán	132	6	1.110.956.597.426		12.915.368.409	
2. Các khoản phải thu khác	135		43.556.101.081		6.738.024.836	
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>19.798.250.559</b>		<b>4.288.880.389</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-		7.455.286	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.788.250.559		4.271.425.103	
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.000.000		10.000.000	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.854.985.216.748</b>		<b>139.180.657.714</b>	
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.843.830.785.657</b>		<b>123.938.437.754</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	5.038.043.016		5.189.250.870	
- Nguyên giá	222		6.989.147.224		6.023.857.433	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.951.104.208)		(834.606.563)	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	1.838.792.742.641		118.749.186.884	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9</b>	<b>11.140.000.000</b>		<b>15.204.174.000</b>	
1. Đầu tư dài hạn khác	258		11.140.000.000		15.204.174.000	
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.431.091</b>		<b>38.045.960</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		14.431.091		38.045.960	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>5.233.005.861.804</b>		<b>1.610.457.207.272</b>	

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN  
Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.362.431.630.454</b>	<b>11.603.248.056</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.362.431.630.454</b>	<b>11.603.248.056</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	2.237.109.792.435	-
2. Phải trả người bán	312		78.721.437.429	403.823.999
3. Người mua trả tiền trước	313		100.000.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	29.793.401.833	10.065.170.155
5. Phải trả người lao động	315		1.248.609.426	792.284.343
6. Chi phí phải trả	316		15.303.635.906	81.799.871
7. Các khoản phải trả khác	319		154.753.425	260.169.688
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>2.870.574.231.350</b>	<b>1.598.853.959.216</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>2.870.574.231.350</b>	<b>1.598.853.959.216</b>
1. Vốn điều lệ	411		2.560.000.000.000	1.544.765.500.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		123.934.916.030	57.148.410
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.140.000.000	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		175.499.315.320	54.031.310.806
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>5.233.005.861.804</b>	<b>1.610.457.207.272</b>



**Hồng Xuân Quốc**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 2 năm 2010

**Lê Quý Dương**  
Kế toán trưởng


Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU B 02-DN**  
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
1. Doanh thu hoạt động tài chính	21		178.598.447.269	82.836.905.532
<i>Trong đó: Lãi tiền gửi</i>			<i>178.598.447.269</i>	<i>82.836.905.532</i>
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(13.670.616.460)	(11.835.312.415)
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		164.927.830.809	71.001.593.117
4. Lợi nhuận trước thuế	50		164.927.830.809	71.001.593.117
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	13	(29.118.265.755)	(16.665.761.252)
<b>6. Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>60</b>		<b>135.809.565.054</b>	<b>54.335.831.865</b>

  
  
**Hoàng Xuân Quốc**  
**Fông Giám đốc**  
Ngày 25 tháng 2 năm 2010

  
**Lê Quý Dương**  
**Kế toán trưởng**

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU B 03-DN**

Đơn vị: VNĐ

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>2009</b>	<b>2008</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>164.927.830.809</b>	<b>71.001.593.117</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.116.497.645	762.292.170
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(178.598.447.269)	(82.836.905.532)
Chi phí lãi vay	06	28.812.668.071	-
<b>3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>16.258.549.256</b>	<b>(11.073.020.245)</b>
Tăng các khoản phải thu	09	(1.081.173.291.077)	(3.693.983.410)
Tăng các khoản phải trả	11	19.449.914.131	967.314.597
Giảm chi phí trả trước	12	31.070.155	-
Tiền lãi vay đã trả	13	(13.669.435.915)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.977.344.279)	(6.688.416.973)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.201.560.540)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(1.072.282.098.269)</b>	<b>(20.488.106.031)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(1.644.625.618.303)	(139.426.153.590)
2. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	25	(1.045.455.362.804)	-
3. Tiền thu hồi từ đầu tư	26	49.200.181.764	100.000.000.000
4. Thu lãi tiền gửi	27	135.042.346.188	76.759.796.808
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.505.838.453.155)</b>	<b>37.333.643.218</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	1.015.234.500.000	1.174.965.500.000
2. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	2.767.997.808.696	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(433.785.499.668)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.349.446.809.028</b>	<b>1.174.965.500.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(228.673.742.396)</b>	<b>1.191.811.037.187</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.447.334.275.924</b>	<b>255.523.238.737</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(66.018.578)	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>1.218.594.514.950</b>	<b>1.447.334.275.924</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp, và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 20 tháng 11 năm 2009.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 51 người (năm 2008: 38 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; nhập khẩu nhiên liệu và thiết bị vật tư phụ tùng để sản xuất, kinh doanh điện; thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện; đào tạo nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình nhiệt điện.

Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Ghi nhận doanh thu**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Ngoại tệ**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong giai đoạn xây dựng cơ bản, được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong phần “Vốn chủ sở hữu”. Khi công trình xây dựng nhà xưởng, văn phòng của Công ty hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, riêng phần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 5 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	4.082.882	184.831.583
Tiền gửi ngân hàng	5.168.806.288	8.984.502.403
Các khoản tương đương tiền	1.213.421.625.780	1.438.164.941.938
	<b><u>1.218.594.514.950</u></b>	<b><u>1.447.334.275.924</u></b>

Các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn trong vòng 3 tháng hoặc ngắn hơn với mức lãi suất từ 0,7% đến 0,83% hàng tháng.

**5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn	681.000.000.000	-
Ủy thác quản lý vốn	304.115.181.040	-
	<b><u>985.115.181.040</u></b>	<b><u>-</u></b>

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng và các khoản ủy thác quản lý vốn bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ 3 tháng đến một năm với mức lãi suất từ 0,67% đến 0,73% hàng tháng.

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

Trả trước cho người bán bao gồm các khoản tạm ứng cho nhà thầu để thực hiện các công việc thiết kế, chế tạo, cung cấp hàng đến công trường, lắp ráp, thử nghiệm và chạy thử máy móc thiết bị nhà máy và các công việc theo sơ đồ đường ống của Công trình dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 1/1/2009	5.007.852.655	1.016.004.778	6.023.857.433
Tăng	844.469.791	120.820.000	965.289.791
Tại ngày 31/12/2009	<u>5.852.322.446</u>	<u>1.136.824.778</u>	<u>6.989.147.224</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 1/1/2009	(569.063.134)	(265.543.429)	(834.606.563)
Khấu hao trong năm	(793.270.116)	(323.227.529)	(1.116.497.645)
Tại ngày 31/12/2009	<u>(1.362.333.250)</u>	<u>(588.770.958)</u>	<u>(1.951.104.208)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2009	<u><b>4.489.989.196</b></u>	<u><b>548.053.820</b></u>	<u><b>5.038.043.016</b></u>
Tại ngày 31/12/2008	<u><b>4.438.789.521</b></u>	<u><b>750.461.349</b></u>	<u><b>5.189.250.870</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	118.749.186.884	306.666.667
Tăng	1.720.043.555.757	118.442.520.217
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>1.838.792.742.641</b>	<b>118.749.186.884</b>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện tiền lãi vay và các khoản chi phí phát sinh cho việc thiết kế, chế tạo, cung cấp hàng đến công trường, lắp ráp, thử nghiệm và chạy thử máy móc thiết bị nhà máy và thực hiện công việc theo sơ đồ đường găng dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đạt được công suất 750MW.

**9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã góp 11.140.000.000 đồng, tương đương với 1.114.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu), chiếm 13,92% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (“Sopewaco”).

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng giá thị trường của các khoản đầu tư này cao hơn giá gốc, vì thế không cần thiết phải lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

**10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	1.626.758.792.435	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	212.296.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn	398.055.000.000	-
	<b>2.237.109.792.435</b>	<b>-</b>

Tại ngày 29 tháng 4 năm 2009, ngày 14 tháng 7 năm 2009, ngày 18 tháng 11 năm 2009 và ngày 23 tháng 11 năm 2009, Công ty đã ký hợp đồng vay ngắn hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam với số tiền lần lượt là 46.597.369 đô la Mỹ, 12.058.800 Euro, 13.351.600 đô la Mỹ, và 25.061.600 Euro. Các khoản vay này không được đảm bảo, ngoại trừ khoản vay 46.597.369 đô la Mỹ được đảm bảo bằng khoản tiền gửi kỳ hạn của Công ty tại ngân hàng này. Các khoản vay này được hoàn trả trong vòng từ sáu tháng đến một năm, và chịu mức lãi suất từ 3,35% đến 4,2% hàng năm. Các khoản vay này đã được giải ngân lần lượt vào ngày 29 tháng 4 năm 2009, 17 tháng 7 năm 2009, ngày 27 tháng 11 năm 2009 và ngày 23 tháng 11 năm 2009. Công ty đã hoàn trả 24.367.234 đô la Mỹ vào ngày 3 tháng 7 năm 2009 và 12.058.900 Euro trong tháng 1 năm 2010. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, số dư khoản vay tại ngân hàng là 35.781.735 đô la Mỹ và 37.110.400 Euro, tương đương với 1.626.758.792.435 đồng.

Khoản vay ngắn hạn 8.000.000 Euro từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ngân hàng này và chịu mức lãi suất là 3,35% hàng năm. Khoản vay này đã được giải ngân tại vào ngày 14 tháng 7 năm 2009 và đã hoàn trả đầy đủ trong tháng 1 năm 2010. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, số dư khoản vay tại ngân hàng là 8.000.000 Euro, tương đương với 212.296.000.000 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Khoản vay ngắn hạn 15.000.000 Euro từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn được bảo đảm bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ngân hàng này và chịu mức lãi suất là 4,2% hàng năm. Khoản vay này đã được giải ngân vào ngày 20 tháng 11 năm 2009 và đáo hạn vào tháng 5 năm 2010. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, số dư khoản vay tại ngân hàng là 15.000.000 Euro, tương đương với 398.055.000.000 đồng.

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.757.420.519	9.977.344.279
Thuế thu nhập cá nhân	35.981.314	87.825.876
	<b>29.793.401.833</b>	<b>10.065.170.155</b>

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2009		31/12/2008	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Cổ phiếu được phép phát hành	256.000.000	2.560.000.000.000	256.000.000	2.560.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ	256.000.000	2.560.000.000.000	154.476.550	1.544.765.500.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VNĐ	%	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	1.326.061.500.000	51,8	1.326.061.500.000	512.000.000.000
Tổng công ty Tài chính Cổ Phần Dầu khí Việt Nam	281.600.000.000	11	281.600.000.000	140.800.000.000
Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ	256.000.000.000	10	256.000.000.000	256.000.000.000
Tập đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	128.000.000.000	5	128.000.000.000	128.000.000.000
Tập đoàn Than Khoáng Sản Việt Nam	128.000.000.000	5	128.000.000.000	128.000.000.000
Công ty ElectricPower Development (J-Power - Nhật Bản)	128.000.000.000	5	128.000.000.000	-
Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam	64.000.000.000	2,5	64.000.000.000	64.000.000.000
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	64.000.000.000	2,5	64.000.000.000	64.000.000.000
Các cổ đông khác	184.338.500.000	7,2	184.338.500.000	251.965.500.000
<b>Cộng</b>	<b>2.560.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>2.560.000.000.000</b>	<b>1.544.765.500.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:**

	Vốn điều lệ VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/1/2008	369.800.000.000	-	-	(304.521.059)	369.495.478.941
Vốn đã góp	1.174.965.500.000	-	-	-	1.174.965.500.000
Chênh lệch tỷ giá	-	57.148.410	-	-	57.148.410
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	54.335.831.865	54.335.831.865
<b>Số dư tại ngày 31/12/2008</b>	<b>1.544.765.500.000</b>	<b>57.148.410</b>	<b>-</b>	<b>54.031.310.806</b>	<b>1.598.853.959.216</b>
Vốn đã góp	1.015.234.500.000	-	-	-	1.015.234.500.000
Chênh lệch tỷ giá	-	123.877.767.620	-	-	123.877.767.620
Phân bổ từ lợi nhuận	-	-	11.140.000.000	(11.140.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	135.809.565.054	135.809.565.054
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.201.560.540)	(3.201.560.540)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2009</b>	<b>2.560.000.000.000</b>	<b>123.934.916.030</b>	<b>11.140.000.000</b>	<b>175.499.315.320</b>	<b>2.870.574.231.350</b>

Trong năm, Công ty đã trích lập quỹ đầu tư phát triển là 11.140.000.000 đồng, và quỹ khen thưởng phúc lợi là 3.201.560.540 đồng theo quyết định của Đại hội Cổ đông.

**13. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2009 VND	2008 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	164.927.830.809	71.001.593.117
Trừ: Lỗ thuế năm trước mang sang	-	(304.521.059)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.462.259.222	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>166.390.090.031</b>	<b>70.697.072.058</b>
Thuế suất	25%	28%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>41.597.522.507</b>	<b>19.795.180.176</b>
Giảm trừ thuế	(12.479.256.752)	(3.129.418.924)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>29.118.265.755</b>	<b>16.665.761.252</b>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 25% cho những năm tiếp theo.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 do Bộ Tài chính ban hành.

Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 1 năm 2009 do Bộ Tài Chính ban hành về việc hướng dẫn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp của quý 4 năm 2008 và cả năm 2009. Theo đó, thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm một khoản là 12.479.256.752 đồng cho năm 2009 (năm 2008: 3.129.418.924 đồng).

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN**

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Đã phê duyệt và ký kết hợp đồng	8.542.716.947.532	146.638.938.307
Đã phê duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	<u>2.535.377.474.268</u>	<u>10.777.234.489.022</u>

Các khoản cam kết bao gồm các khoản chi đã được phê duyệt hoặc ký kết hợp đồng nhưng chưa thực hiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 liên quan đến công việc thiết kế, xây dựng và chế tạo cho Công trình dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

**15. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
<b>Tạm ứng</b>		
Công ty TNHH MTV Tư vấn QLDA Điện lực Dầu khí 2	-	11.062.805.917
Ban điều hành - Dự án Nhà máy Khí Điện Nhơn Trạch 2 ("PVC")	190.759.148.139	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	34.500.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí	<u>15.204.174.000</u>	<u>-</u>
<b>Mua hàng và dịch vụ</b>		
Công ty TNHH MTV Tư vấn QLDA Điện lực Dầu khí 2	6.936.609.187	13.247.370.000
Ban điều hành - Dự án Nhà máy Khí Điện Nhơn Trạch 2 ("PVC")	158.043.001.005	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	35.604.363.636	62.263.636.364
Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí	<u>20.803.636.364</u>	<u>-</u>
<b>Thu nhập tài chính</b>		
Lãi tiền gửi từ Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam	<u>28.335.515.392</u>	<u>2.108.333.333</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
<b>Phải thu</b>		
Công ty TNHH MTV Tư vấn QLDA Điện lực Dầu khí 2	4.620.237.600	6.641.591.550
Ban điều hành - Dự án Nhà máy Khí Điện Nhơn Trạch 2 ("PVC")	160.920.871.106	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	<u>-</u>	<u>510.000.000</u>
<b>Phải thu khác</b>		
Lãi dự thu từ Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam	<u>4.449.362.652</u>	<u>-</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Phải trả**

Công ty TNHH MTV Tư vấn QLDA Điện lực Dầu khí 2 Ban điều hành - Dự án Nhà máy Khí Điện Nhơn Trạch 2 ("PVC")	2.161.256.811	4.826.963.550
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	57.051.024.072	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu Khí	9.290.571.043	-
	<u>2.288.400.000</u>	<u>-</u>

**Đầu tư tài chính**

Ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam	304.115.181.040	-
--	-----------------	---

Thu nhập của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	<u>2009</u>	<u>2008</u>
	VNĐ	VNĐ
Lương và các khoản phúc lợi khác	<u>3.544.931.952</u>	<u>2.388.618.851</u>

